

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2018/HS-ST
Ngày 26-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Mạnh

Ông Bùi Đức Khoa

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đồng Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 88/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Bùi Văn N, sinh ngày 23 tháng 12 năm 1992 tại thành phố Hải Phòng; nơi thường trú: Thôn A, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T1, sinh năm 1970 và bà Lê Thị T2, sinh năm 1967; Chưa có vợ, con; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 87/HS-ST ngày 27/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và Bản án hình sự sơ thẩm số 91/HS-ST ngày 25/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 83/HS-ST ngày 28/5/2009 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội Cướp tài sản (Đã được xóa án tích); bị bắt, tạm giữ từ ngày 30/3/2018 đến ngày 05/4/2018 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Đặng Quốc T3, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn B, xã T4, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Anh Đỗ Hữu D, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn X, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Bà Lê Thị T2, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 10 phút ngày 30/3/2018, lực lượng Công an đang làm nhiệm vụ tại khu vực thôn B, xã T4, huyện T, thành phố Hải Phòng phát hiện Bùi Văn N có biểu hiện nghi vấn cất giấu trái phép chất ma túy. Tiến hành kiểm tra, lực lượng Công an đã thu giữ tại túi quần phía trước bên trái của N 01 gói giấy bạc bên trong chứa chất bột màu trắng (nghi là Heroine); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng không có biển kiểm soát. Cùng đi với N còn có Nguyễn Bình N2, sinh năm 1988, ở tổ dân phố B, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng chạy thoát. Tổ công tác đã đưa N cùng vật chứng về trụ sở Công an xã lập Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang.

Tại Cơ quan điều tra, N khai nhận: Do nghiện ma túy nên N thường sang khu vực đường tàu nội thành Hải Phòng mua ma túy về sử dụng. Khoảng 09 giờ ngày 30/3/2018, N điều khiển xe mô tô đến nhà Nguyễn Bình N2 chơi. Tại đây, N và N2 rủ nhau đi mua ma túy về cùng sử dụng, N2 đồng ý. N2 điều khiển xe mô tô của N chở N sang đường tàu nội thành để mua ma túy. Khi đến nơi, N đưa cho N2 số tiền 170.000 đồng, N2 cầm tiền đi vào khu vực đường tàu để mua ma túy. Khoảng 05 phút sau, N2 đi ra, đưa cho N 01 gói ma túy Hêrôin, N cất gói ma túy vào túi quần phía trước bên trái rồi ngồi sau xe để N2 chở về nhà. Khi cả hai đi đến khu vực chợ C thuộc địa phận xã T1, huyện T thì bị lực lượng Công an bắt quả tang cùng vật chứng, còn N2 chạy thoát.

Ngoài ra tài liệu điều tra còn xác định: Sáng ngày 28/3/2018 N điều khiển xe mô tô chở N2 từ nội thành Hải Phòng về huyện Thủy Nguyên. Khi đi đến Thôn B, xã T4, huyện T, N phát hiện cửa nhà anh Đặng Quốc T3, sinh năm 1985, ở Thôn B, xã T4, huyện T không đóng, không có ai trông coi, tại góc nhà có 01 chiếc máy hàn điện nhãn hiệu TDKYD, vỏ máy bằng kim loại màu sơn đỏ có tay cầm màu đen. N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền ăn tiêu. N bảo N2 dừng xe cách cửa nhà anh T3 khoảng 7,5m và bảo N2 đứng ngoài cánh giới. N đi vào nhà anh T3 lấy chiếc máy hàn rồi lên xe N2 chở đi đến quán buôn bán phế liệu của anh

Đỗ Hữu D, sinh năm 1976 ở Thôn X, xã K, huyện T bán với giá 700.000 đồng. N và N2 chia mỗi người được số tiền 350.000 đồng, số tiền trên N đã ăn tiêu hết. Khi bán máy hàn N không nói cho anh D biết là tài sản do phạm tội mà có. Căn cứ tài liệu điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ được chiếc máy hàn anh D mua của N. Ngày 28/3/2018 anh Đặng Quốc T3 phát hiện bị kẻ gian lấy mất 01 chiếc máy hàn điện nhãn hiệu TDKYD, vỏ máy bằng kim loại màu sơn đỏ, có tay cầm màu đen. Anh đã làm đơn trình báo Công an xã T4, huyện T.

Bản Kết luận định giá tài sản ngày 27/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thủy Nguyên kết luận: 01 máy hàn nhãn hiệu TDKYD trị giá 1.300.000 đồng.

Bản Kết luận giám định số 151/KLGD ngày 02/4/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Số chất bột màu trắng trong gói giấu bạc Công an thu giữ của Bùi Văn N là ma túy, có khối lượng 0,1390 gam, là loại Hêrôin.

Tại bản cáo trạng số 101/CT-VKSTN ngày 20 tháng 9 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố Bùi Văn N về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội Trộm cắp tài sản, quy định tại Điểm o Khoản 2 Điều 249 và Điểm b Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Bùi Văn N khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung nêu trên. Bị cáo đồng ý với tội danh mà Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo và đề nghị xin mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo với mức án từ 06 năm tù đến 07 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s, r khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo với mức án từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo. Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Xử lý vật chứng áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật. Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1]. Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên và người tiến hành tố tụng thuộc các cơ quan này trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, không có yêu cầu mời người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội phạm mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo:

[2]. Lời khai nhận của bị cáo Bùi Văn N tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung biên bản bắt giữ ng-ời có hành vi phạm tội quả tang, phù hợp với Kết luận giám định số 151/KLGD ngày 02/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng và Kết luận định giá tài sản ngày 27/4/2018, phù hợp với vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ căn cứ kết luận: Bùi Văn N đã thực hiện hành vi cất giấu 01 gói giấy khối lượng 0,1390 gam là Heroine. Theo bị cáo khai, do nghiện ma túy nên thường xuyên mua ma túy về sử dụng cho nên vào hồi 09 giờ ngày 30/3/2018, N điều khiển xe mô tô đến nhà Nguyễn Bình N2 chơi. Tại đây, N và N2 rủ nhau đi mua ma túy về cùng sử dụng, N2 đồng ý. N2 điều khiển xe mô tô của N chở N sang đường tàu nội thành để mua ma túy. Khi đến nơi, N đưa cho N2 số tiền 170.000 đồng, N2 cầm tiền đi vào khu vực đường tàu để mua ma túy. Khoảng 05 phút sau, N2 đi ra, đưa cho N 01 gói ma túy Heroin, N cất gói ma túy vào túi quần phía trước bên trái rồi ngồi sau xe để N2 chở về nhà. Khi cả hai đi đến khu vực chợ C thuộc địa phận xã T1, huyện T thì bị lực lượng Công an bắt quả tang cùng vật chứng, còn N2 chạy thoát. Về tình tiết tăng nặng định khung: Bị cáo trước khi phạm tội có 02 tiền án chưa được xóa án tích, cụ thể Bản án số 87/2014/HSST ngày 24/7/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và Bản án số 91/2016/HSST ngày 25/5/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản nên lần phạm tội này bị cáo thuộc điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự:

“.....2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: ...

o) Tái phạm nguy hiểm”

Hành vi cất giấu 0,1390 gam Heroine của bị cáo đó thỏa mãn cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” vi phạm điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự nh- Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

Ngoài ra, tại cơ quan điều tra bị cáo đã tự khai nhận vào ngày 28/3/2018 bị cáo và đối tượng Nguyễn Bình N2 khi đi đến Thôn B, xã T4, huyện T, thành phố Hải Phòng nhà anh Đặng Quốc T3 không đóng cửa nhà, không có ai trông coi, tại góc nhà có 01 chiếc máy hàn điện nhãn hiệu TDKYD, vỏ máy bằng kim loại màu sơn đỏ có tay cầm màu đen. N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền ăn tiêu. N bảo N2 dừng xe cách cửa nhà anh T3 khoảng 7,5m và bảo N2 đứng ngoài cánh giới. N đi vào nhà anh T3 lấy chiếc máy hàn rồi lên xe N2 chở đi đến quán buôn bán phế liệu của anh Đỗ Hữu D bán với giá 700.000 đồng. N và N2 chia mỗi người được số tiền 350.000 đồng, số tiền trên N đã ăn tiêu hết. Trước khi phạm tội N có 02 tiền án cho nên, hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc máy 01 chiếc máy hàn điện nhãn hiệu TDKYD, vỏ máy bằng kim loại màu sơn đỏ có tay cầm màu đen có trị giá 1.300.000 đồng của anh Đặng Quốc T3 thỏa mãn cấu thành tội Trộm cắp tài sản được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự: “....b) *Đã bị kết án về tội này....chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*”.

- Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo:

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng nh- tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và đối với tội Trộm cắp tài sản bị cáo còn thêm tình tiết “phạm tội gây thiệt hại không lớn”, “người phạm tội tự thú” quy định tại điểm h, s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có thể xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Về nhân thân của các bị cáo: Bị cáo có 01 tiền án đã được xóa án tích, 02 tiền án chưa được xóa án tích và là đối tượng nghiện ma túy nên bị cáo có nhân thân xấu. Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà n-ớc đối với chất ma túy, xâm phạm quyền sở hữu tài sản mà còn gây ảnh h-ởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa ph-ơng. Mặt khác, tệ nạn ma túy đang là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây tác hại cho sức khỏe, làm suy thoái nòi giống, hạ thấp phẩm giá con ng-ời. Ma túy còn là tác nhân lây truyền căn bệnh thế kỷ AIDS. Nhà n-ớc ta đã có chính sách xử lý nghiêm khắc đối với loại tội phạm này song tình hình tội phạm về ma túy vẫn đang có diễn biến phức tạp. Vì vậy cần thiết phải xử phạt bị cáo mức hình phạt t-ơng xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo. Cần nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi

phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử xét mức hình phạt chính mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, đảm bảo trừng trị và giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Đối với hình phạt bổ sung, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập và tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo

- Về trách nhiệm dân sự:

[4]. 01 chiếc máy hàn điện nhãn hiệu TDKYD vỏ máy bằng kim loại màu sơn đỏ, tay cầm màu đen thuộc sở hữu của anh Đặng Quốc T3. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T3, anh T3 không có yêu cầu đề nghị gì. Anh D không yêu cầu N bồi thường số tiền mua chiếc máy hàn và không yêu cầu đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về xử lý vật chứng:

[5]. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong chứa chất ma túy còn lại sau giám định. Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 350.000 đồng đối với bị cáo là tiền do phạm tội mà có.

- Những vấn đề khác trong vụ án:

[6]. Trong vụ án này: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng không đeo biển kiểm soát, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là bà Lê Thị T2, sinh năm 1967, ở Thôn A, xã N, huyện T (mẹ đẻ của N). Bà T2 cho N mượn xe để đi lại, không biết việc N sử dụng xe để đi mua ma túy và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Giám định số khung, số máy không bị tẩy xóa, không có trong cơ sở dữ liệu xe vật chứng nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô trên cho bà T2 sử dụng. Đối với đối tượng Nguyễn Bình N2, tài liệu điều tra xác định N2 vắng mặt tại địa phương. Ngoài lời khai của Bùi Văn N, không có tài liệu, chứng cứ nào khác nên chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự với N2, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thủy Nguyên tách ra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9]. Vụ án được xét xử lưu động công khai tại địa phương hôm nay không những là bài học nghiêm khắc đối với bị cáo mà còn là tiếng chuông cảnh tỉnh cho những ai đang manh nha thực hiện tội phạm góp phần đẩy lùi tệ nạn ma túy giành lại sự trong sạch cho địa phương.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Văn N 06 (sáu) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Văn N 18 (mười tám) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự về tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Bùi Văn N phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt, tạm giữ ngày 30/3/2018.

Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong chứa chất ma túy còn lại sau giám định (Các vật chứng có đặc điểm được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng). Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 350.000 đồng đối với bị cáo Bùi Văn N là tiền do phạm tội mà có.

Về án phí áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Bùi Văn N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- CQCSĐT Công an huyện Thủy Nguyên;
- Chính quyền cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- PV27, CAHP;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Vân